

DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ LỄ PHÁT BẰNG THẠC SĨ NĂM 2025 ĐỢT 1

(Sắp xếp theo số thứ tự lên lễ đài nhận bằng và vị trí ngồi)

TT	Số hiệu	Vết ghi	MSSV	Họ tên	Nữ	Ngày sinh	Tên ngành	Khóa	Đơn vị
1	8741	E-44	M0622014	Phan Châu Quốc Việt		19/09/1999	Nuôi trồng thủy sản	2022	Trường Thủy sản
2	8902	E-42	M2322002	Trần Hoàng Hào		22/12/1990	Văn học Việt Nam	2022	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn
3	8832	E-40	M2322003	Lâm Minh Khôi		07/07/2000	Văn học Việt Nam	2022	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn
4	8806	E-38	M3422001	Đặng Hoàng Ân		22/08/1995	Luật kinh tế	2022	Khoa Luật
5	8807	E-36	M3422006	Nguyễn Hoài Châu		04/04/1992	Luật kinh tế	2022	Khoa Luật
6	8852	E-34	M3422008	Nguyễn Văn Cuộc		08/04/1995	Luật kinh tế	2022	Khoa Luật
7	8700	E-32	M3422012	Trần Thùy Dương	X	24/12/1997	Luật kinh tế	2022	Khoa Luật
8	8701	E-30	M3422014	Nguyễn Thị Bích Giang	X	29/10/1984	Luật kinh tế	2022	Khoa Luật
9	8853	E-28	M3422022	Huỳnh Nhật Kha	X	09/06/1993	Luật kinh tế	2022	Khoa Luật
10	8854	E-26	M3422028	Nguyễn Thị Yến Linh	X	01/10/1999	Luật kinh tế	2022	Khoa Luật
11	8855	E-24	M3422033	Huỳnh Thị Kim Ngân	X	20/11/2000	Luật kinh tế	2022	Khoa Luật
12	8856	E-22	M3422037	Trà Thị Quỳnh Như	X	01/06/1987	Luật kinh tế	2022	Khoa Luật
13	8702	E-20	M3422072	Lâm Vĩ Khang		20/11/2000	Luật kinh tế	2022	Khoa Luật
14	8703	E-18	M3422073	Lê Thanh Lâm		09/02/1990	Luật kinh tế	2022	Khoa Luật
15	8803	E-16	M4222002	Nguyễn Hiếu Bình		03/07/1998	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	2022	Trường Bách khoa
16	8804	E-14	M4222009	Nguyễn Thị Phương Ngân	X	15/11/1989	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	2022	Trường Bách khoa
17	8805	E-12	M4222013	Trần Nhật Quang		05/01/1995	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	2022	Trường Bách khoa
18	8847	E-10	M4422004	Đình Thanh Hải		19/09/1998	Kỹ thuật điện	2022	Trường Bách khoa
19	8848	E-8	M4422015	Lê Minh Chuộng Anh		02/11/1984	Kỹ thuật điện	2022	Trường Bách khoa
20	8849	E-6	M4422018	Nguyễn Văn Ngoan		03/12/1980	Kỹ thuật điện	2022	Trường Bách khoa
21	8850	E-4	M4422019	Tào Minh Đạt		16/10/1983	Kỹ thuật điện	2022	Trường Bách khoa
22	8851	E-2	M3822001	Ngô Ngọc Giàu	X	17/10/1998	Kỹ thuật hóa học	2022	Trường Bách khoa
23	8801	F-42	M3822002	Nguyễn Ánh Ngân	X	22/01/1998	Kỹ thuật hóa học	2022	Trường Bách khoa
24	8802	F-40	M3822003	Nguyễn Tuyết Ngân	X	16/09/1998	Kỹ thuật hóa học	2022	Trường Bách khoa
25	8698	F-38	M3822006	Nguyễn Thị Kim Hương	X	19/02/1996	Kỹ thuật hóa học	2022	Trường Bách khoa
26	8699	F-36	M3822007	Lê Văn Nghĩa		19/06/1986	Kỹ thuật hóa học	2022	Trường Bách khoa
27	8692	F-34	M5122007	Diệp Ngô Minh Khôi		30/06/1995	Công nghệ thông tin	2022	Trường Công nghệ Thông tin & Truyền thông
28	8693	F-32	M5122014	Nguyễn Viết Vinh		02/08/1982	Công nghệ thông tin	2022	Trường Công nghệ Thông tin & Truyền thông
29	8696	F-30	M3722001	Đào Văn Chiến		22/04/1995	Khoa học máy tính	2022	Trường Công nghệ Thông tin & Truyền thông
30	8797	F-28	M3722006	Nguyễn Công Minh		27/09/1993	Khoa học máy tính	2022	Trường Công nghệ Thông tin & Truyền thông
31	8798	F-26	M3722012	Lê Thị Cẩm Tiên	X	15/09/1995	Khoa học máy tính	2022	Trường Công nghệ Thông tin & Truyền thông
32	8792	F-24	M2521012	Đặng Thiên Tân		22/06/1997	Hệ thống thông tin	2021	Trường Công nghệ Thông tin & Truyền thông
33	8793	F-22	M2522001	Lê Ngọc Đào	X	01/03/1998	Hệ thống thông tin	2022	Trường Công nghệ Thông tin & Truyền thông
34	8694	F-20	M2522003	Trần Khánh Đông		12/09/1996	Hệ thống thông tin	2022	Trường Công nghệ Thông tin & Truyền thông
35	8839	F-18	M2522004	Lê Minh Hải		22/03/1988	Hệ thống thông tin	2022	Trường Công nghệ Thông tin & Truyền thông
36	8840	F-16	M2522005	Đào Trọng Lanh		17/06/1986	Hệ thống thông tin	2022	Trường Công nghệ Thông tin & Truyền thông
37	8794	F-14	M2522011	Phạm Thanh Sơn		24/01/1983	Hệ thống thông tin	2022	Trường Công nghệ Thông tin & Truyền thông
38	8841	F-12	M2522020	Nguyễn Minh Hồng		12/06/1991	Hệ thống thông tin	2022	Trường Công nghệ Thông tin & Truyền thông
39	8795	F-10	M2022010	Huỳnh Thảo Nguyên	X	17/08/1999	Hóa lý thuyết và hóa lý	2022	Khoa Khoa học Tự nhiên

TT	Id	hệ số	V	ghé	ng	MSSV	Họ tên	Nữ	Ngày sinh	Tên ngành	Khóa	Đơn vị
40	8866	F-8	M1822006	Nguyễn Bửu Hậu		20/11/2000	Lý thuyết xác suất và thống kê toán học		2022	Khoa Khoa học Tự nhiên		
41	8765	F-6	M0422002	Phạm Thanh Điền		25/11/1988	Sinh thái học		2022	Khoa Khoa học Tự nhiên		
42	8766	F-4	M0422005	Lê Thị Hiền	X	10/12/1991	Sinh thái học		2022	Khoa Khoa học Tự nhiên		
43	8767	F-2	M0422010	Đào Văn Tùng		01/01/1989	Sinh thái học		2022	Khoa Khoa học Tự nhiên		
44	8774	G-44	M0722001	Nguyễn Ngọc Đăng Duy		29/09/1999	Toán giải tích		2022	Khoa Khoa học Tự nhiên		
45	8831	G-42	M0722006	Đoàn Hữu Hiệu		31/07/2000	Toán giải tích		2022	Khoa Khoa học Tự nhiên		
46	8901	G-40	M0722009	Mai Đình Lộc		11/08/2000	Toán giải tích		2022	Khoa Khoa học Tự nhiên		
47	8833	G-38	M0822001	Trần Gia An	X	31/05/1998	Vật lý lý thuyết và vật lý toán		2022	Khoa Khoa học Tự nhiên		
48	8903	G-36	M0822015	Nguyễn Chúc Phương	X	22/01/1997	Vật lý lý thuyết và vật lý toán		2022	Khoa Khoa học Tự nhiên		
49	8904	G-34	M0822028	Nguyễn Hoàng Phương Thảo	X	25/11/1990	Vật lý lý thuyết và vật lý toán		2022	Khoa Khoa học Tự nhiên		
50	8905	G-32	M0822034	Huỳnh Mỹ Linh	X	26/12/2000	Vật lý lý thuyết và vật lý toán		2022	Khoa Khoa học Tự nhiên		
51	8906	G-30	M0822035	Nguyễn Phúc Ân		02/02/2000	Vật lý lý thuyết và vật lý toán		2022	Khoa Khoa học Tự nhiên		
52	8742	G-28	M3321016	Đoàn Công Tài		05/06/1998	Quản lý đất đai		2021	Khoa Môi trường &Tài nguyên thiên nhiên		
53	8743	G-26	M3322006	Lư Bửu Ngọc	X	22/03/1999	Quản lý đất đai		2022	Khoa Môi trường &Tài nguyên thiên nhiên		
54	8867	G-24	M3322007	Lâm Khánh Phương	X	08/05/1985	Quản lý đất đai		2022	Khoa Môi trường &Tài nguyên thiên nhiên		
55	8744	G-22	M3322010	Lương Thị Vĩnh Hào	X	22/03/2000	Quản lý đất đai		2022	Khoa Môi trường &Tài nguyên thiên nhiên		
56	8816	G-20	M2922005	Huỳnh Lê Mỹ Hạnh	X	22/06/2000	Quản lý tài nguyên và môi trường		2022	Khoa Môi trường &Tài nguyên thiên nhiên		
57	8758	G-18	M2922007	Lê Nhật Khang		09/10/1998	Quản lý tài nguyên và môi trường		2022	Khoa Môi trường &Tài nguyên thiên nhiên		
58	8817	G-16	M2922008	Cao Hoàng Khang		18/06/1998	Quản lý tài nguyên và môi trường		2022	Khoa Môi trường &Tài nguyên thiên nhiên		
59	8818	G-14	M2922010	Nguyễn Thị Mộng Ngân	X	27/07/2000	Quản lý tài nguyên và môi trường		2022	Khoa Môi trường &Tài nguyên thiên nhiên		
60	8876	G-12	M2922015	Bùi Hữu An		15/01/1998	Quản lý tài nguyên và môi trường		2022	Khoa Môi trường &Tài nguyên thiên nhiên		
61	8799	G-10	M1120008	Nguyễn Quốc Việt		11/03/1998	Khoa học môi trường		2020	Khoa Môi trường &Tài nguyên thiên nhiên		
62	8844	G-8	M1122003	Quách Ngọc Ngân Khánh	X	25/11/2000	Khoa học môi trường		2022	Khoa Môi trường &Tài nguyên thiên nhiên		
63	8845	G-6	M1122004	Trần Vũ Lâm		09/02/1995	Khoa học môi trường		2022	Khoa Môi trường &Tài nguyên thiên nhiên		
64	8846	G-4	M1122006	Trần Huỳnh Như Nguyệt	X	12/07/1991	Khoa học môi trường		2022	Khoa Môi trường &Tài nguyên thiên nhiên		
65	8800	G-2	M1122007	Nguyễn Thị Huỳnh Như	X	26/03/1995	Khoa học môi trường		2022	Khoa Môi trường &Tài nguyên thiên nhiên		
66	8697	H-42	M1122010	Quách Văn Trờ		11/11/1984	Khoa học môi trường		2022	Khoa Môi trường &Tài nguyên thiên nhiên		
67	8791	H-40	M4122004	Tổng Thị Thùy Trang	X	21/06/2000	Di truyền và chọn giống cây trồng		2022	Trường Nông nghiệp		
68	8834	H-38	M0222001	Nguyễn Thị Huỳnh Anh	X	19/05/2000	Chăn nuôi		2022	Trường Nông nghiệp		
69	8779	H-36	M0222002	Trần Long Hải		08/11/1998	Chăn nuôi		2022	Trường Nông nghiệp		
70	8775	H-34	M1022005	Trần Phú Hưng		12/05/2000	Bảo vệ thực vật		2022	Trường Nông nghiệp		
71	8776	H-32	M1022009	Lê Thị Ngọc Tiên	X	17/06/2000	Bảo vệ thực vật		2022	Trường Nông nghiệp		
72	8777	H-30	M1022010	Dương Văn Tinh		02/06/1999	Bảo vệ thực vật		2022	Trường Nông nghiệp		
73	8778	H-28	M1022013	Nguyễn Thái Bảo		03/06/1999	Bảo vệ thực vật		2022	Trường Nông nghiệp		
74	8842	H-26	M0122003	Trần Thị Ngọc Duyên	X	26/06/1998	Khoa học cây trồng		2022	Trường Nông nghiệp		
75	8843	H-24	M0122006	Trần Phúc Hưng		10/11/1996	Khoa học cây trồng		2022	Trường Nông nghiệp		
76	8796	H-22	M0122013	Trần Thị Thùy Trang	X	03/01/1991	Khoa học cây trồng		2022	Trường Nông nghiệp		
77	8695	H-20	M0122019	Nguyễn Thị Thùy Dung	X	24/05/2000	Khoa học cây trồng		2022	Trường Nông nghiệp		
78	8895	H-18	M0322004	Đoàn Phương Lam	X	08/02/1999	Thú y		2022	Trường Nông nghiệp		
79	8896	H-16	M0322011	Đào Huyền Trân	X	15/12/1999	Thú y		2022	Trường Nông nghiệp		
80	8897	H-14	M0322013	Trương Hoàng Anh Kiệt		16/10/1997	Thú y		2022	Trường Nông nghiệp		

TT	Mã hiệu Vở ghi		MSSV	Họ tên	Nữ	Ngày sinh	Tên ngành	Khóa	Đơn vị
81	8830	H-12	M0322014	Cao Kiều	X	22/10/2000	Thú y	2022	Trường Nông nghiệp
82	8907	H-10	M0322015	Trần Minh Lúa		21/12/1999	Thú y	2022	Trường Nông nghiệp
83	8899	H-8	M0322018	Trần Công Bình		15/08/1987	Thú y	2022	Trường Nông nghiệp
84	8900	H-6	M0322019	Nguyễn Minh Nghĩa		27/09/1999	Thú y	2022	Trường Nông nghiệp
85	8788	H-4	M2222003	Nguyễn Ngọc Huỳnh	X	16/11/1991	Công nghệ thực phẩm	2022	Viện CN Sinh học và Thực phẩm
86	8789	H-2	M2222004	Huỳnh Phú Lợi		02/09/2000	Công nghệ thực phẩm	2022	Viện CN Sinh học và Thực phẩm
87	8790	I-42	M2222010	Võ Quốc Tiến		22/04/2000	Công nghệ thực phẩm	2022	Viện CN Sinh học và Thực phẩm
88	8838	I-40	M2222013	Trần Ngọc Giàu	X	15/05/2000	Công nghệ thực phẩm	2022	Viện CN Sinh học và Thực phẩm
89	8780	I-38	M0522002	Dương Thị Kim Dị	X	24/04/2000	Công nghệ sinh học	2022	Viện CN Sinh học và Thực phẩm
90	8686	I-36	M0522006	Trần Thị Bích Ngọc	X	08/03/1985	Công nghệ sinh học	2022	Viện CN Sinh học và Thực phẩm
91	8687	I-34	M0522007	Chung Diễm Phúc	X	04/08/1996	Công nghệ sinh học	2022	Viện CN Sinh học và Thực phẩm
92	8835	I-32	M0522009	Tạ Lâm Tài		05/08/2000	Công nghệ sinh học	2022	Viện CN Sinh học và Thực phẩm
93	8688	I-30	M0522010	Hoàng Tuấn Thanh		28/11/1986	Công nghệ sinh học	2022	Viện CN Sinh học và Thực phẩm
94	8836	I-28	M0522012	Võ Mộng Thường	X	13/12/2000	Công nghệ sinh học	2022	Viện CN Sinh học và Thực phẩm
95	8781	I-26	M0522014	La Thị Kim Tú	X	18/05/1999	Công nghệ sinh học	2022	Viện CN Sinh học và Thực phẩm
96	8782	I-24	M0522017	Nguyễn Tấn Đạt		29/06/2000	Công nghệ sinh học	2022	Viện CN Sinh học và Thực phẩm
97	8783	I-22	M0522019	Trương Hoài Kha		26/03/2000	Công nghệ sinh học	2022	Viện CN Sinh học và Thực phẩm
98	8689	I-20	M0522023	Trần Nguyễn Kim Ngân	X	08/04/2000	Công nghệ sinh học	2022	Viện CN Sinh học và Thực phẩm
99	8784	I-18	M0522024	Lý Khôi Nguyên	X	28/08/2000	Công nghệ sinh học	2022	Viện CN Sinh học và Thực phẩm
100	8785	I-16	M0522025	Trần Lê Nguyên	X	20/09/2000	Công nghệ sinh học	2022	Viện CN Sinh học và Thực phẩm
101	8837	I-14	M0522029	Không Hoàng Thắng		04/05/2000	Công nghệ sinh học	2022	Viện CN Sinh học và Thực phẩm
102	8786	I-12	M0522030	Nguyễn Thị Thu Thủy	X	13/11/1980	Công nghệ sinh học	2022	Viện CN Sinh học và Thực phẩm
103	8690	I-10	M0522031	Phạm Kiều Trang	X	16/06/1996	Công nghệ sinh học	2022	Viện CN Sinh học và Thực phẩm
104	8691	I-8	M0522033	Nguyễn Thị Kim Anh	X	27/05/2000	Công nghệ sinh học	2022	Viện CN Sinh học và Thực phẩm
105	8787	I-6	M0522035	Thái Thị Ngọc Dung	X	06/11/2000	Công nghệ sinh học	2022	Viện CN Sinh học và Thực phẩm
106	8813	E-1	M1522001	Lê Minh Giang		01/01/1985	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Văn và tiếng Việ	2022	Trường Sư phạm
107	8864	E-3	M1522003	Phạm Thị Thanh Hòa	X	23/10/1987	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Văn và tiếng Việ	2022	Trường Sư phạm
108	8865	E-5	M1522005	Lê Hồng Nga	X	11/10/1992	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Văn và tiếng Việ	2022	Trường Sư phạm
109	8738	E-7	M3221023	Trần Thị Thanh Tuyền	X	22/07/1987	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Toán)	2021	Trường Sư phạm
110	8809	E-9	M3222006	Lê Thiên Nhi	X	29/06/1993	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Toán)	2022	Trường Sư phạm
111	8862	E-11	M3222007	Trần Khánh Như	X	03/02/1999	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Toán)	2022	Trường Sư phạm
112	8810	E-13	M3222008	Đoàn Thanh Phúc		01/10/1990	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Toán)	2022	Trường Sư phạm
113	8739	E-15	M3222014	Nguyễn Thị Mai Chi	X	04/04/1995	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Toán)	2022	Trường Sư phạm
114	8863	E-17	M3222017	Chiêm Hải Đăng		21/02/2000	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Toán)	2022	Trường Sư phạm
115	8811	E-19	M3222018	Nguyễn Xuân Nghi		10/09/1984	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Toán)	2022	Trường Sư phạm
116	8812	E-21	M3222019	Lý Thị Kim Phụng	X	02/12/1982	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Toán)	2022	Trường Sư phạm
117	8740	E-23	M3222020	Nguyễn Trần Minh Thư	X	07/02/1988	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Toán)	2022	Trường Sư phạm
118	8814	E-25	M4822004	Lư Thị Bé Bay	X	05/10/1992	Quản lý giáo dục	2022	Trường Sư phạm
119	8815	E-27	M4822005	Nguyễn Văn Cao		10/12/1987	Quản lý giáo dục	2022	Trường Sư phạm
120	8745	E-29	M4822008	Phạm Ngọc Hạnh	X	14/02/1990	Quản lý giáo dục	2022	Trường Sư phạm
121	8746	E-31	M4822015	Nguyễn Ngọc Luyến		15/08/1977	Quản lý giáo dục	2022	Trường Sư phạm

TT	Mã hiệu Vở ghi		MSSV	Họ tên	Nữ	Ngày sinh	Tên ngành	Khóa	Đơn vị
122	8747	E-33	M4822019	Lê Ngọc Nguyễn	X	30/11/1990	Quản lý giáo dục	2022	Trường Sư phạm
123	8748	E-35	M4822023	Tiêu Hoàng Phước		19/07/1996	Quản lý giáo dục	2022	Trường Sư phạm
124	8749	E-37	M4822030	Nguyễn Trần Thùy Trang	X	06/04/1981	Quản lý giáo dục	2022	Trường Sư phạm
125	8750	E-39	M4822033	Đinh Thị Diễm Trinh	X	10/11/1989	Quản lý giáo dục	2022	Trường Sư phạm
126	8454	E-41	M4822035	Ngô Thị Uyên	X	03/05/1998	Quản lý giáo dục	2022	Trường Sư phạm
127	8751	E-43	M4822036	Nguyễn Kim Ý	X	02/10/1986	Quản lý giáo dục	2022	Trường Sư phạm
128	8673	F-1	M2622001	Vô Lê Trúc Lam	X	08/01/1998	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Pháp)	2022	Khoa Ngoại ngữ
129	8674	F-3	M2622002	Nguyễn Thị Ngọc Nghi	X	01/01/1996	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Pháp)	2022	Khoa Ngoại ngữ
130	8675	F-5	M2622004	Đông Minh Thành		15/01/1997	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Pháp)	2022	Khoa Ngoại ngữ
131	8676	F-7	M2622005	Nguyễn Minh Thư	X	28/03/1997	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Pháp)	2022	Khoa Ngoại ngữ
132	8677	F-9	M2622006	Lê Thảo Trang	X	15/06/1994	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Pháp)	2022	Khoa Ngoại ngữ
133	8678	F-11	M2622007	Nguyễn Ngọc Thúy Vy	X	23/03/1997	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Pháp)	2022	Khoa Ngoại ngữ
134	8679	F-13	M2622009	Trần Vĩ Minh Hương	X	05/08/2000	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Pháp)	2022	Khoa Ngoại ngữ
135	8680	F-15	M2622011	Huỳnh Ngọc Ngân	X	20/03/2000	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Pháp)	2022	Khoa Ngoại ngữ
136	8681	F-17	M2622012	Nguyễn Thành Nghiệp		16/05/1998	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Pháp)	2022	Khoa Ngoại ngữ
137	8682	F-19	M2622013	Nguyễn Huệ Nhân	X	20/01/2000	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Pháp)	2022	Khoa Ngoại ngữ
138	8683	F-21	M2622014	Dư Thị Huỳnh Như	X	30/11/1985	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Pháp)	2022	Khoa Ngoại ngữ
139	8684	F-23	M2622015	Dương Trúc Quỳnh	X	30/03/1992	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Pháp)	2022	Khoa Ngoại ngữ
140	8685	F-25	M2622016	Nguyễn Anh Thơi	X	16/11/2000	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Pháp)	2022	Khoa Ngoại ngữ
141	8704	F-27	M1621001	Hà Khả Ái	X	13/12/1998	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Anh)	2021	Khoa Ngoại ngữ
142	8705	F-29	M1621019	Huỳnh Ngọc Linh	X	14/11/1995	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Anh)	2021	Khoa Ngoại ngữ
143	8706	F-31	M1621032	Dương Thị Bảo Ngọc	X	02/05/1988	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Anh)	2021	Khoa Ngoại ngữ
144	8707	F-33	M1622001	Phạm Như Ái	X	10/06/1996	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Anh)	2022	Khoa Ngoại ngữ
145	8708	F-35	M1622004	Nguyễn Thị Huỳnh Châm	X	08/12/2000	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Anh)	2022	Khoa Ngoại ngữ
146	8709	F-37	M1622010	Trương Hồng Hạnh	X	11/06/1998	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Anh)	2022	Khoa Ngoại ngữ
147	8710	F-39	M1622016	Trần Quốc Khải		24/05/1995	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Anh)	2022	Khoa Ngoại ngữ
148	8857	F-41	M1622017	Đặng Lâm Ngọc Khánh	X	23/02/1999	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Anh)	2022	Khoa Ngoại ngữ
149	8711	G-1	M1622025	Phùng Thị Diễm My	X	09/09/1999	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Anh)	2022	Khoa Ngoại ngữ
150	8712	G-3	M1622027	Nguyễn Thị Kim Ngân	X	04/08/1989	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Anh)	2022	Khoa Ngoại ngữ
151	8713	G-5	M1622030	Trần Thanh Nguyệt	X	20/05/1990	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Anh)	2022	Khoa Ngoại ngữ
152	8858	G-7	M1622031	Châu Ngọc Nhi	X	27/12/1999	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Anh)	2022	Khoa Ngoại ngữ
153	8714	G-9	M1622033	Lê Thị Nhị	X	01/10/1990	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Anh)	2022	Khoa Ngoại ngữ
154	8715	G-11	M1622039	Dương Thành Phước		22/02/1992	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Anh)	2022	Khoa Ngoại ngữ
155	8716	G-13	M1622041	Nguyễn Thị Thủy Quyên	X	17/06/1999	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Anh)	2022	Khoa Ngoại ngữ
156	8717	G-15	M1622042	Phan Thị Tổ Quyên	X	10/08/1990	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Anh)	2022	Khoa Ngoại ngữ
157	8808	G-17	M1622045	Hà Bích Soàn	X	30/09/1998	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Anh)	2022	Khoa Ngoại ngữ
158	8718	G-19	M1622050	Lê Văn Thạnh		08/01/1992	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Anh)	2022	Khoa Ngoại ngữ
159	8719	G-21	M1622052	Nguyễn Trần Hoa Thiên	X	26/05/1997	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Anh)	2022	Khoa Ngoại ngữ
160	8720	G-23	M1622053	Đặng Hồng Thơ	X	29/11/1989	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Anh)	2022	Khoa Ngoại ngữ
161	8721	G-25	M1622057	Phạm Thị Anh Thư	X	07/11/1984	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Anh)	2022	Khoa Ngoại ngữ
162	8722	G-27	M1622058	Huỳnh Trọng Thức		03/03/1998	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Anh)	2022	Khoa Ngoại ngữ

TT	Mã hiệu Vở ghi		MSSV	Họ tên	Nữ	Ngày sinh	Tên ngành	Khóa	Đơn vị
163	8723	G-29	M1622074	Hoàng Kỳ Anh	X	02/11/2000	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Anh)	2022	Khoa Ngoại ngữ
164	8724	G-31	M1622077	Nguyễn Thị Hồng Diễm	X	12/10/1986	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Anh)	2022	Khoa Ngoại ngữ
165	8725	G-33	M1622079	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	X	26/10/1993	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Anh)	2022	Khoa Ngoại ngữ
166	8726	G-35	M1622081	Hồ Thị Diệu Hiền	X	15/12/1978	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Anh)	2022	Khoa Ngoại ngữ
167	8727	G-37	M1622082	Lê Thị Phương Hoài	X	06/06/2000	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Anh)	2022	Khoa Ngoại ngữ
168	8728	G-39	M1622083	Nguyễn Thị Thúy Huỳnh	X	01/12/1994	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Anh)	2022	Khoa Ngoại ngữ
169	8729	G-41	M1622085	Nguyễn Thị Mỹ Linh	X	28/09/1980	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Anh)	2022	Khoa Ngoại ngữ
170	8730	G-43	M1622086	Bùi Thanh Loan	X	16/02/1998	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Anh)	2022	Khoa Ngoại ngữ
171	8731	H-1	M1622087	Trần Văn Ngân		19/10/1995	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Anh)	2022	Khoa Ngoại ngữ
172	8859	H-3	M1622088	Trương Thị Thanh Ngân	X	10/04/1997	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Anh)	2022	Khoa Ngoại ngữ
173	8732	H-5	M1622090	Trương Thị Hồng Nhẫn	X	09/04/2000	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Anh)	2022	Khoa Ngoại ngữ
174	8733	H-7	M1622091	Nguyễn Tiến Quang		01/06/2000	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Anh)	2022	Khoa Ngoại ngữ
175	8734	H-9	M1622092	Lý Văn Tài		08/06/2000	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Anh)	2022	Khoa Ngoại ngữ
176	8735	H-11	M1622094	Lê Thanh Thoa	X	17/08/1984	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Anh)	2022	Khoa Ngoại ngữ
177	8736	H-13	M1622096	Huỳnh Lý Hoài Tiên	X	11/10/2000	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Anh)	2022	Khoa Ngoại ngữ
178	8860	H-15	M1622098	Lê Thị Thanh Trà	X	24/10/1997	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Anh)	2022	Khoa Ngoại ngữ
179	8861	H-17	M1622099	Nguyễn Châu Phương Uyên	X	03/09/2000	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Anh)	2022	Khoa Ngoại ngữ
180	8737	H-19	M1622100	Phạm Thị Như Ý	X	17/06/2000	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Anh)	2022	Khoa Ngoại ngữ
181	8868	H-21	M4521005	Nguyễn Ngọc Hân	X	01/01/1996	Quản lý kinh tế	2021	Trường Kinh tế
182	8869	H-23	M4521015	Trần Chiêm Tuệ Ngân	X	16/10/1997	Quản lý kinh tế	2021	Trường Kinh tế
183	8752	H-25	M4522017	Trần Trọng Nguyễn		11/09/1992	Quản lý kinh tế	2022	Trường Kinh tế
184	8753	H-27	M4522022	Cao Dân Quý		23/08/1998	Quản lý kinh tế	2022	Trường Kinh tế
185	8870	H-29	M4522031	Lê Thị Nhựt Trân	X	29/06/1999	Quản lý kinh tế	2022	Trường Kinh tế
186	8754	H-31	M4522037	Nguyễn Mỹ Vân	X	11/11/1999	Quản lý kinh tế	2022	Trường Kinh tế
187	8871	H-33	M4522042	Trang Công Cường		13/08/1979	Quản lý kinh tế	2022	Trường Kinh tế
188	8755	H-35	M4522043	Phạm Nguyễn Minh Đạt		17/05/1996	Quản lý kinh tế	2022	Trường Kinh tế
189	8756	H-37	M4522052	Nguyễn Thị Minh Vân	X	19/06/1990	Quản lý kinh tế	2022	Trường Kinh tế
190	8757	H-39	M4522061	Trần Ngọc Nguyệt Trâm	X	22/05/1998	Quản lý kinh tế	2022	Trường Kinh tế
191	8872	H-41	M4523008	Nguyễn Lê Minh Huy		06/04/2000	Quản lý kinh tế	2023	Trường Kinh tế
192	8873	I-1	M4523010	Trần Đông Khiêm		13/07/1987	Quản lý kinh tế	2023	Trường Kinh tế
193	8874	I-3	M4523026	Nguyễn Ngọc Minh Phương	X	12/09/2000	Quản lý kinh tế	2023	Trường Kinh tế
194	8875	I-5	M4523031	Phan Đặng Anh Thư	X	22/03/2000	Quản lý kinh tế	2023	Trường Kinh tế
195	8826	I-7	M2721008	Phan Thị Thanh Kiều	X	04/01/1991	Tài chính - Ngân hàng	2021	Trường Kinh tế
196	8827	I-9	M2721014	Trần Thị Hồng Phượng	X	13/09/1993	Tài chính - Ngân hàng	2021	Trường Kinh tế
197	8891	I-11	M2721018	Trần Ngọc Thy Thơ	X	10/01/1998	Tài chính - Ngân hàng	2021	Trường Kinh tế
198	8828	I-13	M2721035	Nguyễn Thị Huỳnh Như	X	25/04/1996	Tài chính - Ngân hàng	2021	Trường Kinh tế
199	8829	I-15	M2722003	Nguyễn Thị Xuân Diệu	X	08/03/1977	Tài chính - Ngân hàng	2022	Trường Kinh tế
200	8892	I-17	M2722015	Bùi Bích Phương	X	24/03/1994	Tài chính - Ngân hàng	2022	Trường Kinh tế
201	8893	I-19	M2722022	Lưu Nguyễn Tố Thư	X	13/12/1999	Tài chính - Ngân hàng	2022	Trường Kinh tế
202	8768	I-21	M2722035	Ấu Thúy Anh	X	27/01/1997	Tài chính - Ngân hàng	2022	Trường Kinh tế
203	8769	I-23	M2722036	Nguyễn Huỳnh Anh	X	01/02/1997	Tài chính - Ngân hàng	2022	Trường Kinh tế

TT	Số hiệu Vở ghi	MSSV	Họ tên	Nữ	Ngày sinh	Tên ngành	Khóa	Đơn vị	
204	8770	I-25	M2722040	Trần Thị Bích Duyên	X	09/12/1997	Tài chính - Ngân hàng	2022	Trường Kinh tế
205	8771	I-27	M2722042	Phạm Huy Đình		02/09/1982	Tài chính - Ngân hàng	2022	Trường Kinh tế
206	8894	I-29	M2722044	Phạm Thanh Kiều	X	26/11/1987	Tài chính - Ngân hàng	2022	Trường Kinh tế
207	8772	I-31	M2722046	Lê Thị Ngọc Mai	X	24/07/1986	Tài chính - Ngân hàng	2022	Trường Kinh tế
208	8773	I-33	M2722048	Lê Văn Sin		20/12/1984	Tài chính - Ngân hàng	2022	Trường Kinh tế
209	8819	I-35	M1421013	Nguyễn Trúc Ly	X	14/12/1994	Quản trị kinh doanh	2021	Trường Kinh tế
210	8820	I-37	M1421026	Quách Hồng Thái		28/02/1980	Quản trị kinh doanh	2021	Trường Kinh tế
211	8877	I-39	M1421033	Trần Như Phượng Trân	X	14/01/1993	Quản trị kinh doanh	2021	Trường Kinh tế
212	8821	I-41	M1421038	Nguyễn Thị Kim Tuyền	X	08/05/1997	Quản trị kinh doanh	2021	Trường Kinh tế
213	8878	K-1	M1422001	Nguyễn Ngọc Châu Anh	X	03/09/1998	Quản trị kinh doanh	2022	Trường Kinh tế
214	8759	K-3	M1422008	Nguyễn Hồng Gấm	X	27/08/1990	Quản trị kinh doanh	2022	Trường Kinh tế
215	8822	K-5	M1422009	Huỳnh Công Hà		22/12/1993	Quản trị kinh doanh	2022	Trường Kinh tế
216	8879	K-7	M1422012	Trần Thị Thu Hương	X	25/03/1999	Quản trị kinh doanh	2022	Trường Kinh tế
217	8880	K-9	M1422013	Nguyễn Thanh Hường	X	29/05/1981	Quản trị kinh doanh	2022	Trường Kinh tế
218	8881	K-11	M1422024	Trần Huỳnh Phước		03/04/2000	Quản trị kinh doanh	2022	Trường Kinh tế
219	8882	K-13	M1422026	Hồ Thành Tài		04/02/1996	Quản trị kinh doanh	2022	Trường Kinh tế
220	8760	K-15	M1422028	Châu Phước Thuận		07/09/1982	Quản trị kinh doanh	2022	Trường Kinh tế
221	8761	K-17	M1422032	Âu Dương Thiên Trang	X	03/10/1992	Quản trị kinh doanh	2022	Trường Kinh tế
222	8762	K-19	M1422037	Cao Hữu Vẹn		20/06/1990	Quản trị kinh doanh	2022	Trường Kinh tế
223	8823	K-21	M1422038	Ngô Viết Vinh		18/11/1994	Quản trị kinh doanh	2022	Trường Kinh tế
224	8824	K-23	M1422042	Nguyễn Như Bình	X	12/02/2000	Quản trị kinh doanh	2022	Trường Kinh tế
225	8883	K-25	M1422043	Trần Văn Chính		01/01/1981	Quản trị kinh doanh	2022	Trường Kinh tế
226	8884	K-27	M1422045	Đoàn Văn Dương		10/02/1991	Quản trị kinh doanh	2022	Trường Kinh tế
227	8885	K-29	M1422046	Nguyễn Phước Giàu		01/01/1985	Quản trị kinh doanh	2022	Trường Kinh tế
228	8763	K-31	M1422049	Nguyễn Thị Yến Khoa	X	15/01/2000	Quản trị kinh doanh	2022	Trường Kinh tế
229	8886	K-33	M1422050	Nguyễn Phú Bảo Long		04/01/2000	Quản trị kinh doanh	2022	Trường Kinh tế
230	8887	K-35	M1422051	Nguyễn Thị Xuân Mai	X	02/02/1988	Quản trị kinh doanh	2022	Trường Kinh tế
231	8888	K-37	M1422052	Lê Văn Mao		21/06/1981	Quản trị kinh doanh	2022	Trường Kinh tế
232	8764	K-39	M1422056	Võ Túc Sinh		23/10/1993	Quản trị kinh doanh	2022	Trường Kinh tế
233	8825	L-1	M1422063	Trương Huỳnh Thanh Uyên	X	15/03/1984	Quản trị kinh doanh	2022	Trường Kinh tế
234	8889	L-3	M1422065	Lê Thị Thùy Vân	X	22/06/1996	Quản trị kinh doanh	2022	Trường Kinh tế
235	8890	L-5	M1422068	Đinh Trần Minh Khoa		28/10/2000	Quản trị kinh doanh	2022	Trường Kinh tế